

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DK
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thành
bà Phạm Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hữu T - sinh năm 1973
Trú tại: 37 đường B - thôn 4 - xã P - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị L - sinh năm 1984
Trú tại: 37 đường B - thôn 4 - xã P - DK - Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và bản tự khai ngày 10/5/2019 tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày: ông và bà Huỳnh Thị L tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2006. Quá trình sống chung, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bà L là người phụ nữ không chung thủy, có người đàn ông khác bên ngoài, thường xuyên bỏ nhà đi vài ba hôm rồi lại quay về mà không rõ lý do. Ông đã nhiều lần bỏ qua cho bà L, nhưng sự việc vẫn cứ tiếp diễn. Đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà L nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L. Con chung: có 02 con chung là Nguyễn Trường A (22/9/2005) và Nguyễn Hoàng N (30/7/2016). Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu bà

L cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: không có.

Bà L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà L; được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn bà L vắng mặt lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Quan hệ hôn nhân: ông T và bà L sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Phú theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 25/12/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng quá trình sống chung, bà L thường xuyên có quan hệ bất chính với người khác và thường bỏ nhà đi 02 - 03 hôm mới về. Sự việc liên tục diễn ra. Ông có khuyên can nhiều lần nhưng bà L không nghe, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bà L đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa bà và ông T. Do đó, có thể xác định tình cảm yêu thương vợ chồng giữa ông T và bà L đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Con chung: ông T, bà L có hai con chung là Nguyễn Trường A (22/9/2005) và Nguyễn Hoàng N (30/7/2016). Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trường A có nguyện vọng được ở với cha. Đây là yêu cầu chính đáng của ông T và cũng để ổn định cuộc sống của các con chung, cần tiếp tục giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Tài sản chung và nợ chung: không có.

[5] Về án phí: ông T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Huỳnh Thị L.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Trường A (22/9/2005) và Nguyễn Hoàng N (30/7/2016) cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông T, bà L đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Quy định chung: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: ông Nguyễn Hữu T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002593 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- UBND xã P - huyện DK - Khánh Hòa (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

